

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu biến đổi theo triều, khu vực nội đồng mức nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước biến đổi chậm; mức nước cao nhất ngày 23/9 ở mức xấp xỉ cùng kỳ năm 2024, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 10-55.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mức nước cao nhất trên các sông, kênh, rạch xuống chậm, ở mức thấp hơn so với ngày trước từ 05-10cm. Mức nước cao nhất ngày 23/9 ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 15-40cm, mức nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-10cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 10-30cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các kênh, rạch lên chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 23/9 ở mức và cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-20cm, xấp xỉ và thấp hơn từ 05-50cm so với TBNN. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, mức nước cao nhất và thấp nhất cao hơn từ 70-85cm so với cùng kỳ năm 2024, thấp hơn TBNN 10-20cm.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại trạm Xẻo Rô, mức nước xuống chậm theo triều. Mức nước cao nhất ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 khoảng 30cm, mức nước thấp nhất ở mức xấp xỉ cùng kỳ năm 2024 và TBNN.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước cao nhất và thấp nhất trên các sông, kênh lên chậm trong 1-2 ngày đầu, những ngày sau xuống chậm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mức nước trên các sông, kênh, rạch tiếp tục lên và đạt đỉnh triều trong 1-2 ngày tới, sau đó xuống dần.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Trên sông Cái Lớn - Cái Bé, mức nước lên dần theo xu thế thủy triều vùng biển Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn, triều cường, nước dâng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 25/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 23/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			24/9	25/9	26/9	27/9	28/9	24/9	25/9	26/9	27/9	28/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	285	2	-64	315	2	-46	317	321	322	320	315	284	281	277	272	266
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	192	4	-19	260	1	15	265	275	280	276	268	191	188	184	179	172
Hậu	Khánh An	420	470	520	417	10	-10	418	3	-8	418	420	423	424	421	416	417	420	420	418
	Châu Đốc	300	350	400	248	4	-55	287	5	-31	288	292	293	290	284	247	244	240	235	229
	Long Xuyên	190	220	250	148	6	12	240	-1	40	245	255	260	256	248	146	143	139	134	127
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	203	5	-29	262	1	0	267	277	282	278	270	202	199	195	190	183
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	270	83	-12	272	74	-21	274	276	279	280	280	272	274	277	278	277
	Vinh Gia	200	240	280	115	9	-40	117	7	-53	118	119	121	123	126	116	117	118	120	123
	Vinh Điều	170	200	230	97	4	-5	99	-5	-13	99	100	101	103	105	97	98	99	101	103
T3	Vinh Phú	150	180	210	92	-11	-10	94	-11	-12	94	95	96	98	100	92	93	94	96	98
T5	Nông Trường	160	190	220	105	-3	-3	106	-4	-6	106	107	108	110	112	105	106	107	109	111
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	169	18	-26	170	14	-27	171	172	174	176	178	169	170	171	173	176
	Cô Tô	140	180	220	149	7	-2	152	5	-2	153	154	155	157	159	150	151	152	154	156
	Nam Thái Sơn	90	120	150	97	-1	-	98	-2	-	98	99	100	102	104	97	98	99	101	103
Tám Ngán	Lò Gạch	170	210	250	114	2	-41	117	5	-45	118	119	120	122	124	115	116	117	119	122
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	151	0	-4	159	1	4	160	161	162	164	165	152	154	156	158	160
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	210	12	1	218	8	0	219	220	221	223	226	211	213	215	217	220
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	142	0	-16	157	-3	-8	158	159	160	162	165	143	145	147	149	152
	Tân Thành	120	150	180	112	-5	6	117	-6	6	118	119	121	123	125	113	114	115	117	119
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	90	-7	7	92	-7	6	93	94	96	98	100	91	92	93	95	97
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	9	6	10	50	-18	-4	49	47	49	51	52	10	12	11	9	6
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-9	4	5	50	-33	-2	48	51	54	62	68	-8	-10	-14	-21	-27

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





